

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **293** /PBHC-TCKT
V/v: Công bố thông tin báo cáo tài chính 6 tháng năm 2012

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2012

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp.HCM.

Thực hiện thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí – Công ty Cổ Phần kính gửi Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM: Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 (sau kiểm toán) như sau:

- + Báo cáo tài chính công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2012;
- + Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2012.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- TGD; P.TGD N.V.T;
- Ban TCKT; KTNB;
- Ban TTTT (để CBTT);
- Lưu VT, (NLNG,08b).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Hiền



**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN
43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Minh Tiến	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên
Ông Bùi Quang Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hòa	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2012
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: ~~20~~ /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 27. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 07 tháng 8 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		6.887.036.813.261	5.464.356.634.668
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.125.398.441.490	3.633.780.353.239
1. Tiền	111		338.316.721.490	258.780.353.239
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.787.081.720.000	3.375.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		239.506.465.800	202.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	239.506.465.800	202.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		579.162.611.485	478.597.862.736
1. Phải thu của khách hàng	131		266.037.002.002	209.522.866.280
2. Trả trước cho người bán	132		178.195.244.784	119.856.679.429
3. Các khoản phải thu khác	135	6	144.084.164.699	158.555.158.976
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.153.800.000)	(9.336.841.949)
IV. Hàng tồn kho	140	7	821.857.005.925	1.021.525.646.645
1. Hàng tồn kho	141		821.857.005.925	1.028.619.849.295
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(7.094.202.650)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		121.112.288.561	128.452.772.048
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.506.408.622	11.838.427.664
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		100.512.187.109	113.211.738.860
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		909.765.374	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.183.927.456	3.402.605.524
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		3.600.312.829.220	3.590.872.373.635
I. Tài sản cố định	220		2.068.963.617.150	1.981.355.639.587
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	989.823.155.745	1.059.679.571.214
- Nguyên giá	222		6.581.793.943.097	6.566.922.568.601
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.591.970.787.352)	(5.507.242.997.387)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	622.245.595.225	627.804.437.666
- Nguyên giá	228		809.709.868.355	809.684.068.355
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(187.464.273.130)	(181.879.630.689)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	456.894.866.180	293.871.630.707
II. Bất động sản đầu tư	240	11	311.048.418.970	308.492.302.434
- Nguyên giá	241		330.283.428.807	322.137.485.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(19.235.009.837)	(13.645.182.734)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.054.220.407.921	1.029.048.157.921
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	466.456.800.000	466.456.800.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	544.172.250.000	519.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	43.591.357.921	43.591.357.921
IV. Tài sản dài hạn khác	260		166.080.385.179	271.976.273.693
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	154.049.295.702	260.021.060.620
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		11.823.362.873	11.823.362.873
3. Tài sản dài hạn khác	268		207.726.604	131.850.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		10.487.349.642.481	9.055.229.008.303

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.634.478.346.219	817.255.753.520
I. Nợ ngắn hạn	310		1.621.628.901.182	803.920.238.961
1. Phải trả người bán	312		770.034.541.299	335.512.607.275
2. Người mua trả tiền trước	313		49.109.723.989	14.581.571.175
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	118.794.676.815	88.609.868.041
4. Phải trả người lao động	315		73.718.802.691	80.014.768.234
5. Chi phí phải trả	316	17	188.318.452.949	157.644.838.303
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	105.654.774.085	50.859.750.751
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		315.997.929.354	76.696.835.182
II. Nợ dài hạn	330		12.849.445.037	13.335.514.559
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		8.316.677.977	8.466.986.977
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		4.532.767.060	4.868.527.582
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		8.852.871.296.262	8.237.973.254.783
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	8.852.871.296.262	8.237.973.254.783
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(85.447.473.262)	(83.961.341.647)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.061.915.429)	(835.361.854)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.499.459.725.948	1.407.397.263.345
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		800.339.607.731	488.321.761.273
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.840.581.351.274	2.627.050.933.666
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		10.487.349.642.481	9.055.229.008.303



(Signature)
 Nguyễn Văn Tông
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2012

(Signature)

Huỳnh Kim Nhân
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.381.160.886.720	3.648.044.044.622
2. Các khoản giảm trừ	02		77.455.946.070	33.519.654.681
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	20	6.303.704.940.650	3.614.524.389.941
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	4.023.949.705.606	1.989.073.222.086
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.279.755.235.044	1.625.451.167.855
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	326.021.476.660	233.837.428.166
7. Chi phí tài chính	22	23	1.129.303.694	39.878.784.969
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	14.662.128.736
8. Chi phí bán hàng	24		230.656.414.742	169.042.478.732
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		225.351.934.139	142.464.146.645
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = (20+21)-(22+24+25))	30		2.148.639.059.129	1.507.903.185.675
11. Thu nhập khác	31		3.363.210.616	4.234.232.524
12. Chi phí khác	32		161.368.377	423.370.974
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		3.201.842.239	3.810.861.550
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 40+30)	50		2.151.840.901.368	1.511.714.047.225
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	218.555.364.279	149.927.035.603
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.933.285.537.089	1.361.787.011.622



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2012

Handwritten signature

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.151.840.901.368	1.511.714.047.225
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	96.387.473.751	78.263.697.589
Các khoản dự phòng	03	(7.277.244.599)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	21.915.475.277
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(325.250.096.252)	(231.500.526.949)
Chi phí lãi vay	06	-	14.662.128.736
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.915.701.034.268	1.395.054.821.878
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(150.512.414.015)	20.891.711.247
Giảm hàng tồn kho	10	206.762.843.370	112.577.833.895
Tăng các khoản phải trả	11	554.953.907.760	76.601.701.570
Giảm chi phí trả trước	12	105.303.783.960	9.902.952.093
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(12.702.331.343)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(186.651.946.696)	(100.344.723.234)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	84.081.207.980
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(132.487.916.248)	(85.312.673.583)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.313.069.292.399	1.500.750.500.503
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(159.715.335.006)	(658.277.654.700)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(37.506.465.800)	(10.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	10.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(61.548.800.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	497.908.424.557
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	317.795.890.233	228.661.474.960
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	120.574.089.427	6.743.444.817
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(44.608.104.459)
2. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(940.798.740.000)	(376.594.875.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(940.798.740.000)	(421.202.979.459)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.492.844.641.826	1.086.290.965.861
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.633.780.353.239	2.876.483.097.099
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.226.553.575)	(14.734.993)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.125.398.441.490	3.962.759.327.967

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

Tiền chi để mua tài sản cố định trong kỳ không bao gồm số tiền 72.749.548.093 đồng là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định mà chưa được thanh toán và bao gồm 85.257.649.151 đồng là giá trị tài sản mua năm trước được thanh toán trong kỳ này và 18.936.374.992 đồng là tiền ứng trước để mua tài sản cố định cho kỳ sau. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả và các khoản phải thu.



Ngày 27 tháng 8 năm 2012


Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi ngày 15 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông Công ty trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 1.156 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.144 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Sản xuất kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản, mua bán hàng nông lâm sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản và đào tạo nghề.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và báo cáo tài chính của văn phòng Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong Công ty được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính của Công ty.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá gốc nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì doanh nghiệp được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì doanh nghiệp được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền sáng chế, giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Hồ Chí Minh; Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; và Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)**

trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	44 - 50
Công trình kiến trúc	25

Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất của Tòa nhà Đồng Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Hồ Chí Minh vì quyền sử dụng đất này là không thời hạn.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được xác định giá trị ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá trị đầu tư (nếu có).

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định giá trị ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá trị đầu tư (nếu có).

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất, chi phí lợi thế kinh doanh, vật tư phụ tùng thay thế, chi phí đào tạo các học viên cho Nhà máy Đạm Cà Mau và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với số tiền 531.700.794.477 đồng và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 6 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2007. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, việc phân bổ lợi thế kinh doanh trong thời gian 6 năm là phù hợp quy định về tài chính đối với doanh nghiệp cổ phần hóa của Nhà nước, cũng như phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn (Tiếp theo)

Chi phí đào tạo học viên và chi phí nghiên cứu thị trường cho Nhà máy Đạm Cà Mau được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và sẽ được chuyển giao cho đơn vị quản lý Nhà máy Đạm Cà Mau khi quyết toán chi phí trước hoạt động của Nhà máy.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1,5 đến 2 năm và tiền thuê đã trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đình Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu ngắn hạn và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo VAS 10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 tăng 1.226.553.575 đồng (năm 2011: tăng 1.145.593.196 đồng) và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 sẽ giảm 2.061.915.429 đồng so với áp dụng theo VAS 10.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo (năm 2008). Năm 2012 là năm thứ năm Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ chín kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động).

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	774.484.720	1.488.798.500
Tiền gửi ngân hàng	337.542.236.770	257.291.554.739
Các khoản tương đương tiền	4.787.081.720.000	3.375.000.000.000
	5.125.398.441.490	3.633.780.353.239

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng với lãi suất từ 9%/năm đến 14%/năm.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại	51.000.000.000	25.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Tổng công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (PVFC SG)	11.506.465.800	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI)	177.000.000.000	177.000.000.000
	239.506.465.800	202.000.000.000

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 10%/năm, khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại PVFC SG với lãi suất 12% đến 13%/năm và các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại PVFI được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 với lãi suất 2,4%/năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tạm ứng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Mekong)	54.827.750.000	80.000.000.000
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	63.709.539.342	54.677.916.668
Khác	25.546.875.357	23.877.242.308
	144.084.164.699	158.555.158.976

Theo Thông báo số 8606/TB-DKVN ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty tạm ứng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Mekong) để thực hiện dự án Tòa nhà Cao ốc Bạc Liêu. Trong kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2012, Công ty đã ghi giảm khoản tạm ứng vốn điều lệ này đồng thời ghi tăng giá trị vốn góp tại PVC Mekong với số tiền 25.172.250.000 đồng tương ứng 20% vốn điều lệ bổ sung trong kỳ của PVC Mekong.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	88.483.264.349	69.823.891.557
Nguyên liệu, vật liệu	367.726.720.146	316.303.313.794
Công cụ, dụng cụ	4.090.116.840	4.848.260.085
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.320.584.196	38.953.701.976
Thành phẩm	137.097.808.805	129.190.073.743
Hàng hóa	199.138.511.589	469.500.608.140
	821.857.005.925	1.028.619.849.295
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(7.094.202.650)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	821.857.005.925	1.021.525.646.645

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	1.171.705.357.349	5.281.475.938.314	46.686.078.522	67.055.194.416	6.566.922.568.601
Mua trong kỳ	-	18.948.744.630	17.103.136	4.051.470.369	23.017.318.135
Chuyển sang bất động sản đầu tư	8.145.943.639	-	-	-	8.145.943.639
Tại ngày 30/6/2012	<u>1.163.559.413.710</u>	<u>5.300.424.682.944</u>	<u>46.703.181.658</u>	<u>71.106.664.785</u>	<u>6.581.793.943.097</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	579.075.728.988	4.862.097.253.610	38.501.198.143	27.568.816.646	5.507.242.997.387
Khấu hao trong kỳ	26.399.900.955	47.743.040.425	1.125.125.147	9.944.937.680	85.213.004.207
Chuyển sang bất động sản đầu tư	485.214.242	-	-	-	485.214.242
Tại ngày 30/6/2012	<u>604.990.415.701</u>	<u>4.909.840.294.035</u>	<u>39.626.323.290</u>	<u>37.513.754.326</u>	<u>5.591.970.787.352</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2012	<u>558.568.998.009</u>	<u>390.584.388.909</u>	<u>7.076.858.368</u>	<u>33.592.910.459</u>	<u>989.823.155.745</u>
Tại ngày 01/01/2012	<u>592.629.628.361</u>	<u>419.378.684.704</u>	<u>8.184.880.379</u>	<u>39.486.377.770</u>	<u>1.059.679.571.214</u>

Cao ốc văn phòng 43 Mạc Đĩnh Chi đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng vào ngày 01 tháng 8 năm 2011 với giá trị tạm tính là 842.826.174.063 đồng, giá trị tài sản cố định tạm tăng và chi phí khấu hao phát sinh tương ứng sẽ được điều chỉnh khi chi phí đầu tư công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hiện tại, một phần Cao ốc văn phòng 43 Mạc Đĩnh Chi được thuê bởi Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam (Công ty con của Công ty). Tuy nhiên, do diện tích cho thuê chưa được xác định một cách chính xác nên Công ty tạm thời chưa ghi nhận bất động sản đầu tư của phần diện tích cho thuê tại Tòa nhà 43 Mạc Đĩnh Chi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 5.307.033.256.256 đồng.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền VND	Phần mềm VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	584.273.696.679	171.441.137.057	44.387.280.223	9.581.954.396	809.684.068.355
Mua trong kỳ	-	-	-	25.800.000	25.800.000
Tại ngày 30/6/2012	<u>584.273.696.679</u>	<u>171.441.137.057</u>	<u>44.387.280.223</u>	<u>9.607.754.396</u>	<u>809.709.868.355</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	-	161.582.221.870	10.758.493.029	9.538.915.790	181.879.630.689
Khấu hao trong kỳ	-	1.225.630.165	4.354.672.486	4.339.790	5.584.642.441
Tại ngày 30/6/2012	-	<u>162.807.852.035</u>	<u>15.113.165.515</u>	<u>9.543.255.580</u>	<u>187.464.273.130</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2012	<u>584.273.696.679</u>	<u>8.633.285.022</u>	<u>29.274.114.708</u>	<u>64.498.816</u>	<u>622.245.595.225</u>
Tại ngày 01/01/2012	<u>584.273.696.679</u>	<u>9.858.915.187</u>	<u>33.628.787.194</u>	<u>43.038.606</u>	<u>627.804.437.666</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 168.872.861.106 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 168.792.861.106 đồng).

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đình Chi, phường Đa Kao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75	75	75.000.000.000	75.000.000.000 Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	TP. Cần Thơ	75	75	127.500.000.000	127.500.000.000 Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Đồng Nam Bộ	TP. Hồ Chí Minh	75	75	93.750.000.000	93.750.000.000 Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	TP. Hà Nội	75	75	90.000.000.000	90.000.000.000 Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Bao bì Dạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51	51	21.410.000.000	21.410.000.000 Sản xuất bao bì
Công ty Cổ phần Quán lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	81	81	58.796.800.000	58.796.800.000 Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng
				<u>466.456.800.000</u>	<u>466.456.800.000</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	TP. Cà Mau	20	20	45.172.250.000	20.000.000.000 Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTX)	TP. Hải Phòng	25	25	499.000.000.000	Sản xuất và kinh doanh xơ sợi Polyester
				<u>544.172.250.000</u>	<u>519.000.000.000</u>

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 và kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng trong năm 2012 của PVC-Mekong, vốn điều lệ của PVC-Mekong sẽ tăng thêm 125.861.250.000 đồng trong năm 2012. Theo đó, Công ty đã góp bổ sung 25.172.250.000 đồng vào PVC-Mekong, tương ứng 20% của phần vốn tăng thêm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2012 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX), tài sản thuần của PVTEX là 1.765 tỷ đồng, thấp hơn số vốn đã góp của các chủ sở hữu (1.958 tỷ đồng) là 193 tỷ đồng. Nguyên nhân là do PVTEX có khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản với số tiền 281 tỷ đồng. Tại thời điểm lập báo cáo này, PVTEX vẫn đang trong giai đoạn chạy thử trước hoạt động, nhà xưởng và dây chuyền sản xuất đang trong giai đoạn đầu tư và theo kế hoạch khoản chênh lệch tỷ giá này sẽ được phân bổ dần vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của PVTEX trong thời gian tối đa không quá 5 năm. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định không phải trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa dầu và xơ sợi Dầu khí.

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí (DMC)	8%	34.241.357.921	34.241.357.921
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PVTech)	10%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao - Văn hóa Dầu khí (PSCC)	10%	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PSP)	15%	4.750.000.000	4.750.000.000
		43.591.357.921	43.591.357.921

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư dài hạn và xác định không có khoản đầu tư nào bị suy giảm giá trị, do vậy Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Trả trước tiền thuê đất	5.337.338.926	5.618.251.495
Lợi thế kinh doanh	44.308.399.522	88.616.799.064
Vật tư, phụ tùng thay thế	55.838.723.575	61.700.077.851
Chi phí đào tạo học viên cho Nhà máy Đạm Cà Mau	29.160.290.878	69.469.257.424
Chi phí trả trước dài hạn khác	19.404.542.801	34.616.674.786
	154.049.295.702	260.021.060.620

CÔNG TY MỸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đình Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	115.301.558.393	83.398.140.810
Thuế thu nhập cá nhân	885.948.042	5.201.767.490
Các loại thuế khác	2.607.170.380	9.959.741
	118.794.676.815	88.609.868.041

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định 2013	99.429.999.998	72.380.000.000
Chi phí an sinh xã hội	40.240.995.655	38.283.665.997
Khác	48.647.457.296	46.981.172.306
	188.318.452.949	157.644.838.303

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã trích trước 27.049.999.998 đồng cho chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy Dạm Phú Mỹ trong năm 2013.

Theo Quyết định số 404/NQ-DKVN ngày 07 tháng 3 năm 2012 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trong kỳ, Công ty đã trích lập quỹ an sinh xã hội với số tiền 60 tỷ đồng để thực hiện chương trình an sinh xã hội của toàn Tập đoàn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, chi phí an sinh xã hội chưa được chuyển cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 40.240.995.655 đồng.

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	8.112.540.000	8.112.540.000
Phải trả chiết khấu bán hàng	47.959.633.580	23.837.428.366
Phải trả cổ tức	13.747.328.664	10.660.268.664
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp	3.763.102.559	2.130.006.320
Khác	32.072.169.282	6.119.507.401
	105.654.774.085	50.859.750.751

CÔNG TY MỆ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đình Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2011	3.800.000.000.000	(83.277.130.627)	310.231.342	835.237.972.349	333.085.317.442	1.216.927.008.682	6.102.283.399.188
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	3.120.178.464.581	3.120.178.464.581
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	-	(684.211.020)	-	-	-	-	(684.211.020)
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	572.159.290.996	155.236.443.831	(727.395.734.827)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(227.366.864.770)	(227.366.864.770)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(755.291.940.000)	(755.291.940.000)
Khác	-	-	(1.145.593.196)	-	-	-	(1.145.593.196)
Số dư tại 31/12/2011	3.800.000.000.000	(83.961.341.647)	(835.361.854)	1.407.397.263.345	488.321.761.273	2.627.050.933.666	8.237.973.254.783
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	1.933.285.537.089	1.933.285.537.089
Cổ phiếu quỹ mua trong kỳ (1)	-	(1.486.131.615)	-	-	-	-	(1.486.131.615)
Trích từ lợi nhuận (2)	-	-	-	1.092.062.462.603	312.017.846.458	(1.404.080.309.061)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(371.789.010.420)	(371.789.010.420)
Trả cổ tức (3)	-	-	-	-	-	(943.885.800.000)	(943.885.800.000)
Tặng/(giảm) khác	-	-	(1.226.553.575)	-	-	-	(1.226.553.575)
Số dư tại 30/6/2012	3.800.000.000.000	(85.447.473.262)	(2.061.915.429)	2.499.459.725.948	800.339.607.731	1.840.581.351.274	8.852.871.296.262

(1) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện mua tổng số 64.880 cổ phiếu quỹ với giá bình quân mua vào là 22.906 đồng/cổ phiếu.

(2) Số trích lập các quỹ trong kỳ bao gồm số trích lập các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính của Công ty với số tiền tương ứng 1.092.062.462.603 đồng và 312.017.846.458 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2012.

(3) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2012, Công ty đã công bố chi trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.321.533.540.000 đồng (3.500 đồng/cổ phần), trong đó tạm ứng cổ tức đợt 1 là 377.647.740.000 đồng (1.000 đồng/cổ phần) đã được thực hiện trong Quý 3/2011. Ngày 05 tháng 6 năm 2012, Công ty đã công bố về việc chi trả cổ tức đợt 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi trích lập các quỹ, theo đó trong kỳ Công ty đã hạch toán bổ sung số cổ tức phải trả là 943.885.800.000 đồng.

1/1/12 0 1/1/12

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

Cổ đông	Tỷ lệ (%)	30/6/2012 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	61,37	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	38,63	1.467.957.470.000
	100,00	3.800.000.000.000

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 380.000.000 cổ phần, trong đó Công ty đang nắm giữ 2.445.680 cổ phiếu quỹ tương đương với 2.445.680 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần thường. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị thuần của Công ty.

20. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất và dịch vụ trong nước VND	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu VND	Tổng cộng VND
Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012			
Doanh thu thuần	6.204.398.246.972	99.306.693.678	6.303.704.940.650
Giá vốn hàng bán	3.925.903.922.142	98.045.783.464	4.023.949.705.606
Lợi nhuận gộp	2.278.494.324.830	1.260.910.214	2.279.755.235.044
Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011			
Doanh thu thuần	2.984.965.034.630	629.559.355.311	3.614.524.389.941
Giá vốn hàng bán	1.375.387.135.183	613.686.086.903	1.989.073.222.086
Lợi nhuận gộp	1.609.577.899.447	15.873.268.408	1.625.451.167.855

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất và dịch vụ trong nước như sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Doanh thu Ure	4.603.991.914.211	2.962.514.688.078
Doanh thu bán Ure Cà Mau	1.559.070.983.383	-
Doanh thu Amoniac	-	16.549.661.962
Doanh thu điện	2.062.412.560	5.786.232.684
Doanh thu khác	116.728.882.888	33.634.106.587
	6.281.854.193.042	3.018.484.689.311
Chiết khấu thương mại	77.455.946.070	33.519.654.681
	6.204.398.246.972	2.984.965.034.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.621.223.178.681	981.044.040.701
Chi phí nhân công	187.670.405.707	85.728.434.585
Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.387.473.751	78.263.697.589
Chi phí dịch vụ mua ngoài	214.987.066.135	179.968.693.181
Chi phí khác	218.091.355.933	192.430.821.124
	2.338.359.480.207	1.517.435.687.180

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	290.179.351.411	207.827.741.703
Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.070.744.841	23.672.785.246
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	770.660.408	-
Khác	720.000	2.336.901.217
	326.021.476.660	233.837.428.166

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	14.662.128.736
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.129.303.694	21.915.475.277
Khác	-	3.301.180.956
	1.129.303.694	39.878.784.969

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	219.073.335.811	149.927.035.603
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước	(517.971.532)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	218.555.364.279	149.927.035.603

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, lịch thanh toán các khoản cam kết thuê như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.188.223.094	7.188.223.094
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	27.378.244.375	27.565.696.375
Sau năm năm	28.388.829.557	31.795.489.104
	62.955.297.025	66.549.408.572

Từ ngày 03 tháng 9 năm 2005, Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLD/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004 với tiền thuê và phí sử dụng hạ tầng phải trả hàng năm là 378.392 USD/năm.

Ngày 01 tháng 11 năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng thuê văn phòng ở Campuchia với thời hạn 3 năm và tiền thuê là 1.500 USD/tháng.

Cam kết khác

- Theo Hợp đồng mua bán khí số 82/2010/PVGas-KTTT/TM-PVFCCo/B1 ngày 07 tháng 05 năm 2010 và các Phụ lục bổ sung với Tổng Công ty Khí Việt Nam, giá mua khí trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 6,43 USD/MMBTU (từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011: 4,59 USD/MMBTU).
- Theo Hợp đồng khung tiêu thụ sản phẩm số 1486/PVN-PVFCCO ngày 23 tháng 02 năm 2011, Hợp đồng số 72/PVCFC-PVFCCO tháng 02 năm 2012 và các Phụ lục bổ sung ký kết với Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau, Công ty cam kết và có trách nhiệm nhận và tiêu thụ toàn bộ sản phẩm ure hạt đục do Nhà máy Đạm Cà Mau sản xuất theo kế hoạch hàng năm với đơn giá mua và khối lượng được xác định tại từng thời điểm giao nhận sản phẩm, thời hạn hiệu lực của hợp đồng khung là 2 năm. Trong kỳ, Công ty đã nhập mua với tổng khối lượng khoảng 162.000 tấn ure từ Nhà máy Đạm Cà Mau với tổng giá trị cho tất cả các giao dịch vụ theo các hợp đồng đã ký khoảng 1.600 tỷ đồng.

26. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 27 tháng 4 năm 2012, tại phiên họp thường niên năm 2012, Đại hội Đồng cổ đông Công ty đã chấp thuận và thông qua chủ trương cho Công ty đầu tư vào Dự án Nhà máy Đạm Cà Mau theo phương án: Công ty mua 51% giá trị dự án Nhà máy Đạm Cà Mau hiện tại do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) là chủ đầu tư. PVN và Công ty sẽ tổ chức thực hiện việc quản lý, vận hành, kinh doanh sản phẩm của Nhà máy Đạm Cà Mau theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) không thành lập pháp nhân mới, trong đó PVN ủy quyền cho Công ty trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động hợp danh. Giá trị dự án được xác định theo kết quả đàm phán và thỏa thuận với PVN căn cứ vào kết quả thẩm định giá của đơn vị thẩm định độc lập, đồng thời không vượt quá 779 triệu USD, trong trường hợp giá trị dự án thấp hơn 779 triệu USD Đại hội Đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty quyết định đầu tư và triển khai thực hiện, trong trường hợp giá trị dự án cao hơn 779 triệu USD Công ty sẽ trình Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt theo quy định.

Đến ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đang làm việc với PVN và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để triển khai các bước công việc theo quy định của pháp luật.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.125.398.441.490	3.633.780.353.239
Phải thu khách hàng và phải thu khác	346.139.616.701	278.741.183.307
Đầu tư ngắn hạn	239.506.465.800	202.000.000.000
Đầu tư dài hạn	43.591.357.921	43.591.357.921
Tài sản tài chính khác	-	151.850.200
Tổng cộng	5.754.635.881.912	4.158.264.744.667
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	871.926.212.825	384.242.351.706
Chi phí phải trả	188.318.452.949	157.644.838.303
Tổng cộng	1.060.244.665.774	541.887.190.009

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đình Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thị trường (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2012	31/12/2011	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	625.103.720	4.260.029.420	249.620.768.637	147.465.726.357
Euro (EUR)	-	150.052.595	37.832.088	39.588.091

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
30/6/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	871.926.212.825	-	871.926.212.825
Chi phí phải trả	188.318.452.949	-	188.318.452.949
Tổng cộng	<u>1.060.244.665.774</u>	<u>-</u>	<u>1.060.244.665.774</u>
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	384.242.351.706	-	384.242.351.706
Chi phí phải trả	157.644.838.303	-	157.644.838.303
Tổng cộng	<u>541.887.190.009</u>	<u>-</u>	<u>541.887.190.009</u>

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
30/6/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.125.398.441.490	-	5.125.398.441.490
Phải thu khách hàng và phải thu khác	346.139.616.701	-	346.139.616.701
Đầu tư ngắn hạn	239.506.465.800	-	239.506.465.800
Đầu tư dài hạn	-	43.591.357.921	43.591.357.921
Tổng cộng	5.711.044.523.991	43.591.357.921	5.754.635.881.912
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.633.780.353.239	-	3.633.780.353.239
Phải thu khách hàng và phải thu khác	278.741.183.307	-	278.741.183.307
Đầu tư ngắn hạn	202.000.000.000	-	202.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	43.591.357.921	43.591.357.921
Tài sản tài chính khác	20.000.000	131.850.200	151.850.200
Tổng cộng	4.114.541.536.546	43.723.208.121	4.158.264.744.667

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

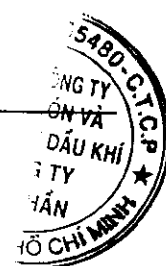
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét.



Ngày 27 tháng 8 năm 2012

Unleash
Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng





**TÔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 36

1/2015

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Minh Tiến	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên
Ông Bùi Quang Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hòa	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngày 27 tháng 8 năm 2012
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: 500 /Deloitte-AUDHN-RE

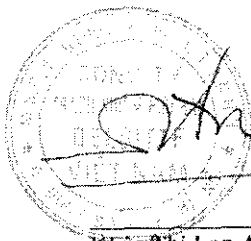
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), từ trang 3 đến trang 36. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 7 tháng 8 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập và một pháp nhân. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		7.641.853.254.360	6.041.065.689.804
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.891.279.372.686	4.070.456.552.343
1. Tiền	111		519.197.652.686	295.456.552.343
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.372.081.720.000	3.775.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		242.106.465.800	202.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	242.106.465.800	202.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		411.212.434.769	464.355.369.431
1. Phải thu của khách hàng	131		69.995.268.137	155.810.424.409
2. Trả trước cho người bán	132		209.376.349.880	151.559.520.332
3. Các khoản phải thu khác	135	6	140.994.616.752	166.322.266.639
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.153.800.000)	(9.336.841.949)
IV. Hàng tồn kho	140	7	963.855.316.232	1.160.376.913.208
1. Hàng tồn kho	141		967.786.301.668	1.170.599.773.156
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.930.985.436)	(10.222.859.948)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		133.399.664.873	143.876.854.822
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.180.606.146	13.029.055.831
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		105.215.046.056	119.527.971.996
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		909.765.374	304.805.911
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		13.094.247.297	11.015.021.084
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		3.265.771.669.295	3.254.096.938.186
I. Tài sản cố định	220		2.320.206.100.628	2.236.412.726.375
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.144.651.100.897	1.217.649.752.564
- Nguyên giá	222		6.815.258.859.766	6.791.323.544.439
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.670.607.758.869)	(5.573.673.791.875)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	699.187.780.555	714.774.274.574
- Nguyên giá	228		887.270.940.023	896.988.754.023
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(188.083.159.468)	(182.214.479.449)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	476.367.219.176	303.988.699.237
II. Bất động sản đầu tư	240	11	237.391.000.267	221.618.684.934
- Nguyên giá	241		252.908.167.807	233.281.835.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(15.517.167.540)	(11.663.150.234)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		518.972.615.735	502.220.263.326
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	475.381.257.814	458.628.905.405
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	43.591.357.921	43.591.357.921
IV. Tài sản dài hạn khác	260		189.201.952.665	293.845.263.551
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	172.743.652.392	279.019.910.904
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		16.219.129.669	14.662.058.447
3. Tài sản dài hạn khác	268		239.170.604	163.294.200
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		10.907.624.923.655	9.295.162.627.990

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.873.592.210.523	883.206.119.407
I. Nợ ngắn hạn	310		1.841.402.810.253	864.476.078.937
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	24.003.910.092	9.205.641.372
2. Phải trả cho người bán	312		777.713.645.411	323.540.578.949
3. Người mua trả tiền trước	313		162.628.384.326	12.012.772.578
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	140.678.098.252	106.975.226.211
5. Phải trả người lao động	315		87.089.185.773	89.278.373.094
6. Chi phí phải trả	316	17	227.425.479.102	199.235.356.613
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		88.454.709.123	33.865.995.534
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		56.022.000	56.022.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		333.353.376.174	90.306.112.586
II. Nợ dài hạn	330		32.189.400.270	18.730.040.470
1. Phải trả dài hạn khác	333		6.419.251.489	4.653.070.992
2. Vay và nợ dài hạn	334	18	11.506.465.800	-
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		8.873.644.955	9.123.440.123
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		5.199.302.087	4.868.527.582
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		193.735.939	85.001.773
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		8.836.381.269.516	8.227.079.406.507
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	8.836.381.269.516	8.227.079.406.507
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		977.787.044	977.787.044
3. Cổ phiếu quỹ	414		(85.447.473.262)	(83.961.341.647)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(74.460.378.674)	(74.411.767.146)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.513.183.312.293	1.420.380.501.371
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		807.144.805.369	494.715.910.705
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		549.922.851	554.153.469
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.874.433.293.895	2.668.824.162.711
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	20	197.651.443.616	184.877.102.076
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		10.907.624.923.655	9.295.162.627.990



Nguyễn Văn Tổng
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2012

Handwritten signature of Huỳnh Kim Nhân

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.169.563.003.907	4.567.605.423.400
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		80.540.801.194	31.113.182.138
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	7.089.022.202.713	4.536.492.241.262
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	4.624.949.448.369	2.745.511.274.179
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.464.072.754.344	1.790.980.967.083
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	308.220.501.643	255.232.138.795
7. Chi phí tài chính	22	25	1.673.813.021	43.527.557.286
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		484.818.462	15.652.054.184
8. Chi phí bán hàng	24		266.015.078.104	175.913.236.574
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		279.169.826.333	179.638.310.468
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		2.225.434.538.529	1.647.134.001.550
11. Thu nhập khác	31		2.188.344.746	5.523.740.169
12. Chi phí khác	32		289.478.754	670.286.664
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.898.865.992	4.853.453.505
14. (Lỗ)/Lãi trong công ty liên kết	45		(5.954.875.672)	9.798.421.055
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		2.221.378.528.849	1.661.785.876.110
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	254.207.934.916	190.171.980.755
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.557.071.222)	(1.025.683.343)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.968.727.665.155	1.472.639.578.698
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		29.178.415.070	27.701.519.952
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		1.939.549.250.085	1.444.938.058.746
19. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	5.137	3.826

Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.221.378.528.849	1.661.785.876.110
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	106.902.563.716	87.869.040.582
Các khoản dự phòng	03	(6.474.916.461)	(3.425.871.433)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	21.915.475.277
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(301.290.707.384)	(259.492.051.853)
Chi phí lãi vay	06	484.818.462	15.652.054.184
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.021.000.287.182	1.524.304.522.867
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	51.657.947.811	(46.709.570.577)
Giảm hàng tồn kho	10	202.813.471.488	110.296.064.689
Tăng các khoản phải trả	11	635.762.629.649	46.348.725.872
Giảm chi phí trả trước	12	105.124.708.197	17.021.123.993
Tiền lãi vay đã trả	13	(484.818.462)	(13.692.256.751)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(206.336.656.779)	(157.087.806.629)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	128.451.200.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(156.770.460.744)	(101.920.004.035)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.652.767.108.342	1.507.011.999.389
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(173.777.122.847)	(521.883.026.565)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	146.818.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.106.465.800)	(60.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	88.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(191.400.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	297.513.064.887	246.634.036.859
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	83.776.294.422	(438.148.989.706)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	49.128.970.584	18.103.325.020
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(22.824.236.064)	(56.429.990.129)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(940.798.740.000)	(376.594.875.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(914.494.005.480)	(414.921.540.109)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.822.049.397.284	653.941.469.574
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.070.456.552.343	3.748.457.003.885
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.226.576.941)	(14.734.992)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.891.279.372.686	4.402.383.738.467

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua tài sản cố định trong kỳ không bao gồm 68.454.657.757 đồng là số tiền mua sắm tài sản cố định chưa được thanh toán trong kỳ này và bao gồm 72.927.159.793 đồng là giá trị tài sản mua năm trước nhưng thanh toán trong kỳ này và 17.971.048.731 đồng là tiền ứng trước để mua tài sản cố định trong kỳ sau. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả và các khoản phải thu.



Ngày 27 tháng 8 năm 2012

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi ngày 15 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông Công ty trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm: Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Sản xuất kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản, mua bán hàng nông lâm sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản và đào tạo nghề.

Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Tp. Cần Thơ	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Tp. Hồ Chí Minh	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Tp. Hà Nội	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Tp. Hồ Chí Minh	81	81	Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51	51	Sản xuất bao bì

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của các công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết chưa được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị sổ sách của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì doanh nghiệp được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì doanh nghiệp được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền sáng chế, giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai; và các toà nhà văn phòng tại 151/18 Trần Hoàn Na, 13A Phan Đình Phùng, thành phố Cần Thơ do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)**

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Kỳ hoạt động</u> <u>từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>
Quyền sử dụng đất	20 - 50
Công trình kiến trúc	10 - 25

Tổng Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất của toà nhà văn phòng tại 151/18 Trần Hoàng Na, thành phố Cần Thơ vì quyền sử dụng đất này là lâu dài.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất, chi phí lợi thế kinh doanh, vật tư phụ tùng thay thế, chi phí đào tạo học viên và chi phí nghiên cứu thị trường cho Nhà máy Đạm Cà Mau và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước phản ánh số tiền thuê 634.595,35 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1 được trả trước cho Công ty Đầu tư và Khai thác Hạ tầng Khu Công nghiệp Đồng Xuyên và Phú Mỹ 1 với thời gian thuê là 17 năm từ ngày 03 tháng 9 năm 2004. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với số tiền 531.700.794.477 đồng và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh trong thời gian 6 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2007. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, việc phân bổ lợi thế kinh doanh trong thời gian 6 năm là phù hợp quy định về tài chính đối với doanh nghiệp cổ phần hóa của Nhà nước, cũng như phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Chi phí dịch vụ đào tạo học viên và chi phí nghiên cứu thị trường cho Nhà máy Đạm Cà Mau được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh, và sẽ được chuyển giao cho đơn vị quản lý Nhà máy Đạm Cà Mau khi quyết toán chi phí trước hoạt động của Nhà máy.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1,5 đến 2 năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được khách hàng chấp nhận nghiệm thu, thanh toán.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu ngắn hạn và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo VAS 10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 tăng 1.226.571.099 đồng (năm 2011: giảm 2.694.803.722 đồng), và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 giảm 2.061.915.429 đồng so với áp dụng theo VAS 10.

Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư trước hoạt động của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX) - Công ty liên kết của Tổng Công ty, được ghi nhận trên khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" theo tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết này với số tiền lũy kế đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012 là khoảng 72 tỷ đồng, và sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tối đa là 5 năm kể từ ngày PVTEX chính thức vận hành thương mại.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ: Công ty mẹ - Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty mẹ - Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo (năm 2008). Năm 2012 là năm thứ 5 Công ty mẹ - Tổng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ 9 kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động).

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đình Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ vào báo cáo kết quả kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.321.028.956	2.501.956.305
Tiền gửi ngân hàng	517.876.623.730	292.954.596.038
Các khoản tương đương tiền	5.372.081.720.000	3.775.000.000.000
	<u>5.891.279.372.686</u>	<u>4.070.456.552.343</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với lãi suất từ 9%/năm đến 14%/năm.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI)	177.000.000.000	177.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại	53.600.000.000	25.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (PVFC SG)	11.506.465.800	-
	<u>242.106.465.800</u>	<u>202.000.000.000</u>

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại PVFI được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 với lãi suất 2,4%/năm; các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 10%/năm đến 12%/năm; và các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại PVFC SG với lãi suất từ 12%/năm đến 14%/năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC Mekong)	54.827.750.000	80.000.000.000
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	65.203.150.453	57.249.279.741
Khác	20.963.716.299	29.072.986.898
	<u>140.994.616.752</u>	<u>166.322.266.639</u>

Theo Thông báo số 8606/TB-DKVN ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, Tổng Công ty tạm ứng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "PVC Mekong") để thực hiện dự án Tòa nhà Cao ốc Bạc Liêu. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty đã ghi giảm khoản tạm ứng vốn điều lệ này đồng thời ghi tăng giá trị vốn góp tại PVC Mekong với số tiền 25.172.250.000 đồng, tương ứng 20% vốn điều lệ bổ sung trong kỳ của PVC Mekong.

TÔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	88.483.264.349	69.823.891.556
Nguyên liệu, vật liệu	387.195.863.726	323.011.367.715
Công cụ, dụng cụ	4.388.193.236	4.937.805.436
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	51.177.504.599	54.089.522.986
Thành phẩm	113.238.501.452	132.282.869.306
Hàng hóa	323.302.974.306	586.454.316.157
	967.786.301.668	1.170.599.773.156
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.930.985.436)	(10.222.859.948)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	963.855.316.232	1.160.376.913.208

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc, thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	1.312.232.636.935	5.314.479.094.091	85.027.007.916	79.584.805.497	6.791.323.544.439
Mua trong kỳ	1.753.940.022	20.114.092.157	47.363.136	6.014.339.593	27.929.730.908
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.255.563.624	-	-	-	6.255.563.624
Thanh lý	-	(19.357.360)	(312.466.473)	(6.190.733)	(338.014.566)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(9.911.968.639)	-	-	-	(9.911.968.639)
Phân loại lại	-	(25.648.821)	-	25.648.821	-
Tại ngày 30/6/2012	<u>1.310.330.171.942</u>	<u>5.334.548.180.067</u>	<u>84.761.904.579</u>	<u>85.618.603.178</u>	<u>6.815.258.859.766</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	602.888.029.559	4.878.760.979.824	58.699.147.100	33.325.635.392	5.573.673.791.875
Khấu hao trong kỳ	33.697.448.491	50.324.180.692	2.730.608.829	11.508.681.665	98.260.919.677
Thanh lý	-	(797.594)	(209.661.070)	(6.190.733)	(216.649.397)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.110.303.286)	-	-	-	(1.110.303.286)
Phân loại lại	-	(4.186.654)	-	4.186.654	-
Tại ngày 30/6/2012	<u>635.475.174.764</u>	<u>4.929.080.176.268</u>	<u>61.220.094.859</u>	<u>44.832.312.978</u>	<u>5.670.607.758.869</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2012	<u>674.854.997.178</u>	<u>405.468.003.799</u>	<u>23.541.809.720</u>	<u>40.786.290.200</u>	<u>1.144.651.100.897</u>
Tại ngày 01/01/2012	<u>709.344.607.376</u>	<u>435.718.114.267</u>	<u>26.327.860.816</u>	<u>46.259.170.105</u>	<u>1.217.649.752.564</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 5.308.845.618.191 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 5.335.434.384.183 đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, toàn bộ giá trị nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ với giá trị còn lại là 21.479.254.506 đồng đã được thế chấp để bảo đảm cho hợp đồng vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (xem Thuyết minh 14).

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền VND	Phần mềm VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	671.084.640.347	171.441.137.057	44.527.780.223	9.935.196.396	896.988.754.023
Mua trong kỳ	-	-	-	25.800.000	25.800.000
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(9.714.364.000)	-	-	-	(9.714.364.000)
Thanh lý	-	-	(29.250.000)	-	(29.250.000)
Tại ngày 30/6/2012	<u>661.370.276.347</u>	<u>171.441.137.057</u>	<u>44.498.530.223</u>	<u>9.960.996.396</u>	<u>887.270.940.023</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	202.192.133	161.582.221.870	10.878.245.839	9.551.819.607	182.214.479.449
Khấu hao trong kỳ	242.940.491	1.225.630.165	4.366.467.622	62.891.741	5.897.930.019
Thanh lý	-	-	(29.250.000)	-	(29.250.000)
Tại ngày 30/6/2012	<u>445.132.624</u>	<u>162.807.852.035</u>	<u>15.215.463.461</u>	<u>9.614.711.348</u>	<u>188.083.159.468</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2012	<u>660.925.143.723</u>	<u>8.633.285.022</u>	<u>29.283.066.762</u>	<u>346.285.048</u>	<u>699.187.780.555</u>
Tại ngày 01/01/2012	<u>670.882.448.214</u>	<u>9.858.915.187</u>	<u>33.649.534.384</u>	<u>383.376.789</u>	<u>714.774.274.574</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 168.892.861.106 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 168.842.111.106 đồng).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DƯ DANG

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Kho Cảng Cái Cui - Cần Thơ	191.969.390.029	122.575.593.205
Kho An Giang	51.649.986.960	39.233.289.888
Kho Nam Phát - Tiền Giang	40.200.279.099	34.854.969.899
Kho Gia Lai	25.310.841.846	25.242.660.028
Dự án Amoniac	36.255.549.376	24.397.090.908
Kho Tây Ninh	31.046.045.455	15.126.000.000
Kho Đà Nẵng	22.937.481.132	61.818.182
Công trình 43 Mạc Đĩnh Chi	15.943.970.781	5.732.174.223
Dự án mở rộng bao bì	13.069.774.379	-
Các công trình khác	47.983.900.119	36.765.102.904
	<u>476.367.219.176</u>	<u>303.988.699.237</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đình Chi, phường Đa Kao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	74.784.152.000	158.497.683.168	233.281.835.168
Chuyển từ tài sản cố định	9.714.364.000	9.911.968.639	19.626.332.639
Tại ngày 30/6/2012	84.498.516.000	168.409.651.807	252.908.167.807
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	1.646.440.696	10.016.709.538	11.663.150.234
Chuyển từ tài sản cố định	-	1.110.303.286	1.110.303.286
Khấu hao trong kỳ	736.197.858	2.007.516.162	2.743.714.020
Tại ngày 30/6/2012	2.382.638.554	13.134.528.986	15.517.167.540
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2012	82.115.877.446	155.275.122.821	237.391.000.267
Tại ngày 01/01/2012	73.137.711.304	148.480.973.630	221.618.684.934

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai; và các toà nhà văn phòng tại 151/18 Trần Hoàng Na, 13A Phan Đình Phùng, thành phố Cần Thơ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Tổng Công ty không có ý định bán hay chuyển nhượng lại trong tương lai gần.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	544.172.250.000	519.000.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	(3.326.505.326)	8.582.677.298
Chênh lệch giữa giá mua và phần sở hữu trong tài sản thuần của công ty liên kết tại ngày đầu tư (*)	6.933.976.385	4.622.650.923
Biến động tài sản thuần không trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày đầu tư (**)	(72.398.463.245)	(73.576.422.816)
	475.381.257.814	458.628.905.405
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (***)	42.128.467.606	26.412.636.214
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	433.252.790.208	432.216.269.191
	475.381.257.814	458.628.905.405

(*) Tổng Công ty đã xác định khoản lãi phát sinh tại ngày mua do chênh lệch giữa giá mua và phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty liên kết - Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (gọi tắt là "PVTEX") tại ngày đầu tư là 23.113.254.617 đồng. Ban Tổng Giám đốc quyết định phân bổ chênh lệch này vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty trong thời gian là 5 năm kể từ năm 2011.

(**) Theo Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 chưa được kiểm toán của PVTEX, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ thời điểm mua (ngày 15 tháng 6 năm 2011) đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 276.441.752.501 đồng. Vì PVTEX đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản nên khoản chênh lệch tỷ giá trên không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của PVTEX. Bên cạnh đó, tỷ lệ lợi ích thực tế của Tổng Công ty trong tài sản thuần của PVTEX tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 25,48%, nên giá trị đầu tư tại PVTEX đã được điều chỉnh giảm đồng thời một khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đã được ghi nhận trên khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" của bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 với số tiền khoảng 72 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 và kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng trong năm 2012 của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "PVC Mekong"), vốn điều lệ của PVC Mekong tăng thêm 125.861.250.000 đồng trong 6 tháng đầu năm 2012. Theo đó, Tổng Công ty đã góp bổ sung 25.172.250.000 đồng vào PVC Mekong, tương ứng 20% của phần vốn tăng thêm.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC Mekong)	TP. Cà Mau	20	20	Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	TP. Hải Phòng	25	25	Sản xuất và kinh doanh xơ sợi Polyeste

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tổng tài sản	8.070.346.594.768	7.117.435.446.917
Tổng công nợ	6.095.516.765.005	5.216.180.694.037
Tài sản thuần	1.974.829.829.763	1.901.254.752.880
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	475.381.257.814	458.628.905.405

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Doanh thu thuần	85.783.700.051	495.343.723.781
Lợi nhuận thuần	(36.006.973.143)	44.954.465.835
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết	(5.954.875.672)	9.798.421.055

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	30/6/2012	31/12/2011
		VND	VND
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	8%	34.241.357.921	34.241.357.921
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PVTech)	10%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao - Văn hóa Dầu khí (PSCC)	10%	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PSP)	15%	4.750.000.000	4.750.000.000
		43.591.357.921	43.591.357.921

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư dài hạn và tin rằng không có khoản đầu tư nào bị suy giảm giá trị, do vậy, Tổng Công ty không trích dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trả trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Phú Mỹ	5.337.338.926	5.618.251.495
Lợi thế kinh doanh	44.308.399.522	88.616.799.064
Vật tư phụ tùng thay thế	55.838.723.575	61.700.077.851
Chi phí đào tạo học viên và chi phí nghiên cứu thị trường cho Nhà máy Đạm Cà Mau	29.160.290.878	69.469.257.424
Chi phí trả trước dài hạn khác	38.098.899.491	53.615.525.070
	<u>172.743.652.392</u>	<u>279.019.910.904</u>

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	19.322.950.092	9.205.641.372
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	4.680.960.000	-
	<u>24.003.910.092</u>	<u>9.205.641.372</u>

(i) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu được thực hiện dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 20 tỷ đồng. Lãi suất cho vay được thả nổi theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (xem Thuyết minh 8).

(ii) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu được thực hiện dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đô la Mỹ với số tiền tối đa là 220.800 USD và đáo hạn vào ngày 30 tháng 7 năm 2012. Lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi số 18.11.553.895699.TG ngày 12 tháng 12 năm 2011 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu và Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ với số tiền 5 tỷ đồng.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	487.281.236	12.780.283.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp	135.789.175.201	87.299.170.055
Thuế thu nhập cá nhân	1.549.671.435	6.885.813.006
Các loại thuế khác	2.851.970.380	9.959.741
	<u>140.678.098.252</u>	<u>106.975.226.211</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÀU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2013	99.429.999.998	72.380.000.004
Chi phí an sinh xã hội	40.240.995.655	38.283.665.997
Khác	87.754.483.449	88.571.690.612
	227.425.479.102	199.235.356.613

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty đã trích trước 27.049.999.994 đồng chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy Đạm Phú Mỹ trong năm 2013.

Theo Quyết định số 404/NQ-DKVN ngày 07 tháng 3 năm 2012 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trong kỳ, Tổng Công ty đã trích lập quỹ an sinh xã hội với số tiền 60 tỷ đồng để thực hiện chương trình an sinh xã hội của toàn Tập đoàn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, chi phí an sinh xã hội chưa được chuyển cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 40.240.995.655 đồng.

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam -	11.506.465.800	-
Chi nhánh Sài Gòn	11.506.465.800	-

Khoản vay và nợ dài hạn thể hiện khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Bảo vệ Đạm Phú Mỹ tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn. Tổng số tiền vay theo hợp đồng là 25.310.821.434 đồng và được giải ngân nhiều lần. Thời hạn cho vay tối đa là 7 năm bắt đầu từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 29 tháng 5 năm 2012. Khoản vay chịu lãi suất tiền gửi tổ chức kinh tế VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (loại trả lãi cuối kỳ) cộng 1%/năm. Khoản vay này được cho vay dưới hình thức không có tài sản đảm bảo. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty rút vốn với tổng số tiền 11.506.464.800 đồng.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.615.831.634	-
Trong năm thứ hai	3.615.831.634	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	4.274.802.532	-
Sau năm năm	-	-
	11.506.465.800	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	-	-
Số phải trả sau 12 tháng	11.506.465.800	-

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT ĐÀU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đình Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

MÀU B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	3.800.000.000.000	257.121.998	(83.277.130.627)	(3.530.148.057)	849.893.623.484	341.712.214.445	342.595.703	1.288.360.669.597	6.193.758.946.548
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	3.104.293.433.980	3.104.293.433.980
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	-	-	(684.211.020)	-	-	-	-	-	(684.211.020)
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	583.702.789.596	161.320.138.135	211.557.766	(745.234.485.497)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(242.896.587.736)	(242.896.587.736)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(755.291.940.000)	(755.291.940.000)
Chênh lệch tỷ giá trong tài sản thuần của Công ty liên kết	-	-	-	(73.576.422.816)	-	-	-	-	(73.576.422.816)
Kết chuyển nguồn Tăng/(giảm) khác	-	720.665.046	-	2.694.803.722	(13.356.997.669)	(8.356.620.585)	-	20.992.553.208	-
Số dư tại ngày 31/12/2011	3.800.000.000.000	977.787.044	(83.961.341.647)	(74.411.767.146)	1.420.380.501.371	494.715.910.705	554.153.469	2.668.824.162.711	8.227.079.406.507
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	1.939.549.250.085	1.939.549.250.085
Cổ phiếu quỹ mua trong kỳ (1)	-	-	(1.486.131.615)	-	-	-	-	-	(1.486.131.615)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (2)	-	-	-	-	1.092.802.810.922	312.428.894.664	-	(1.405.231.705.586)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(381.172.988.955)	(381.172.988.955)
Trả cổ tức (3)	-	-	-	-	-	-	-	(943.885.800.000)	(943.885.800.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(1.226.571.099)	-	-	-	-	(1.226.571.099)
Chênh lệch tỷ giá trong tài sản thuần của Công ty liên kết	-	-	-	1.177.959.571	-	-	-	-	1.177.959.571
(Giảm) khác	-	977.787.044	(85.447.473.262)	(74.460.378.674)	2.513.183.312.293	807.144.805.369	(4.230.618)	(3.649.624.360)	(3.653.854.978)
Số dư tại ngày 30/6/2012	3.800.000.000.000	977.787.044	(85.447.473.262)	(74.460.378.674)	2.513.183.312.293	807.144.805.369	549.922.851	1.874.433.293.895	8.836.381.269.516

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(1) Trong kỳ, Tổng Công ty đã thực hiện mua tổng số 64.880 cổ phiếu quỹ với giá bình quân mua vào là 22.906 đồng/cổ phiếu.

(2) Số trích lập các quỹ trong kỳ bao gồm số trích lập các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính với số tiền tương ứng là 1.092.802.810.922 đồng và 312.428.894.664 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ và các Công ty con.

(3) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2012, Tổng Công ty đã công bố chi trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền là 1.321.533.540.000 đồng (3.500 đồng/cổ phần). Trong đó, tạm ứng cổ tức đợt 1 là 377.647.740.000 đồng (1.000 đồng/cổ phần) đã được thực hiện trong Quý 3/2011. Ngày 05 tháng 6 năm 2012, Công ty đã công bố về việc chi trả cổ tức đợt 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi trích lập các quỹ; theo đó, trong kỳ Công ty đã hạch toán bổ sung số cổ tức phải trả với số tiền là 943.885.800.000 đồng.

Chi tiết vốn điều lệ của Tổng Công ty như sau:

Cổ đông	Tỷ lệ (%)	30/6/2012 VND
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	61,37	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	38,63	1.467.957.470.000
	100,00	3.800.000.000.000

Số lượng cổ phần Tổng Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 380.000.000 cổ phần, trong đó Tổng Công ty đang nắm giữ 2.445.680 cổ phiếu quỹ, tương đương với 2.445.680 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần thường. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị thuần của Tổng Công ty.

20. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại các công ty con được xác định như sau:

	Công ty CP PBHCDK Miền Trung VND	Công ty CP PBHCDK Tây Nam Bộ VND	Công ty CP PBHCDK Đông Nam Bộ VND	Công ty CP PBHCDK Miền Bắc VND	Công ty CP Quản lý và phát triển nhà Dầu khí Miền Nam VND	Công ty CP Bảo vệ Đạm Phú Mỹ VND
Vốn điều lệ của công ty con	100.000.000.000	170.000.000.000	125.000.000.000	120.000.000.000	72.248.000.000	42.000.000.000
Trong đó:						
Vốn góp của Công ty mẹ	75.000.000.000	127.500.000.000	93.750.000.000	90.000.000.000	58.796.800.000	21.410.000.000
Vốn góp của cổ đông thiểu số	25.000.000.000	42.500.000.000	31.250.000.000	30.000.000.000	13.451.200.000	20.590.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	18,62%	49,02%

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng tài sản	357.570.295.253	268.403.750.593
Tổng nợ phải trả	(159.918.851.637)	(83.526.648.517)
Tài sản thuần	197.651.443.616	184.877.102.076
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	162.791.200.000	162.791.200.000
Các quỹ khác	8.423.037.252	8.051.285.497
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26.437.206.364	14.034.616.579

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Lợi nhuận trong kỳ	109.326.875.650	120.547.047.676
Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận trong kỳ	29.178.415.070	27.701.519.952

Biến động của lợi ích cổ đông thiểu số trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác thuộc chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	162.791.200.000	940.194.604	5.842	4.526.654.932	2.051.581.884	532.848.235	14.034.616.579	184.877.102.076
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	29.178.415.070	29.178.415.070
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	238.809.494	137.016.069	-	(375.825.563)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(5.163.901.624)	(5.163.901.624)
Trải cổ tức	-	-	-	-	-	-	(13.236.541.569)	(13.236.541.569)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(5.842)	-	-	-	-	(5.842)
Tăng (Giảm) khác	-	-	-	-	-	(4.067.966)	443.471	(3.624.495)
Số dư tại ngày 30/6/2012	162.791.200.000	940.194.604	-	4.765.464.426	2.188.597.953	528.780.269	26.437.206.364	197.651.443.616

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đình Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Mẫu B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21.

BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất, kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất, các loại hình kinh doanh, dịch vụ khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh.

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm Văn phòng Công ty mẹ đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, các đơn vị hạch toán phụ thuộc tại các tỉnh khác nhau gồm: 02 Chi nhánh, 01 Nhà máy, và 06 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Sản phẩm và dịch vụ của Tổng Công ty được cung cấp thông qua hệ thống đại lý, các chi nhánh và 06 công ty con.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty theo từng đơn vị như sau:

Bảng Cán đối kế toán hợp nhất

	Tổng Công ty PBHCDK - Công ty Cổ phần YND	Công ty CP PBHCDK Miền Trung YND	Công ty CP PBHCDK Tây Nam Bộ YND	Công ty CP PBHCDK Đông Nam Bộ YND	Công ty CP PBHCDK Miền Bắc YND	Công ty CP QK và PT nhà Đầu khí Miền Nam YND	Công ty CP Bảo Hi Dặm Phú Mỹ YND	Điều chỉnh hợp nhất YND	Tổng cộng YND
TÀI SẢN									
Tài sản hữu hình	9.943.177.392.481	212.892.394.881	430.127.223.521	282.780.003.598	209.765.883.773	123.134.573.766	121.134.573.766	(888.768.379.945) (68.790.092.186)	10.432.243.665.841 475.381.257.814
Dầu tư vào công ty liên kết	544.172.250.000	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	10.487.349.642.481	212.892.394.881	430.127.223.521	282.780.003.598	209.765.883.773	123.134.573.766	121.134.573.766	(957.559.372.131)	10.907.624.923.655

Nợ phải trả

Nợ phải trả không phân bổ

Tổng nợ phải trả

1.634.478.346.219	81.436.060.476	223.763.488.942	127.562.512.607	69.344.646.562	43.011.119.668	53.822.371.294	53.822.371.294	(359.826.335.245)	1.873.592.210.523
1.634.478.346.219	81.436.060.476	223.763.488.942	127.562.512.607	69.344.646.562	43.011.119.668	53.822.371.294	53.822.371.294	(359.826.335.245)	1.873.592.210.523

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Tổng Công ty PBHCDK - Công ty Cổ phần YND	Công ty CP PBHCDK Miền Trung YND	Công ty CP PBHCDK Tây Nam Bộ YND	Công ty CP PBHCDK Đông Nam Bộ YND	Công ty CP PBHCDK Miền Bắc YND	Công ty CP QK và PT nhà Đầu khí Miền Nam YND	Công ty CP Bảo Hi Dặm Phú Mỹ YND	Điều chỉnh hợp nhất YND	Tổng cộng YND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.381.160.884.720	1.440.417.622.761	1.515.636.340.094	1.783.466.733.043	860.825.433.743	62.342.404.131	67.297.972.506	(4.941.583.379.091)	7.169.563.003.907
Các khoản giảm trừ doanh thu	77.455.946.070	23.768.826.516	18.819.553.190	27.580.573.039	10.361.884.429	62.342.404.131	67.297.972.506	(77.455.946.070)	80.540.801.194
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.303.704.938.650	1.416.648.796.245	1.496.816.786.904	1.755.886.160.004	850.463.549.314	62.342.404.131	67.297.972.506	(4.864.127.433.021)	7.089.022.202.713
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	4.023.949.705.606	1.364.138.497.072	1.444.494.411.436	1.693.360.232.746	793.281.173.336	52.272.171.976	54.576.011.092	(4.801.122.977.895)	4.624.949.440.169
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.279.755.233.044	52.510.299.153	52.322.375.468	63.514.927.258	57.182.375.978	10.070.232.155	12.721.961.414	(63.004.455.126)	2.464.072.752.544
Doanh thu hoạt động tài chính	326.021.476.660	1.227.997.372	8.320.150.982	5.263.782.054	1.496.699.581	364.526.884	586.013.041	(35.070.744.841)	308.220.501.643
Chi phí tài chính	1.129.303.694	9.706.921.033	8.519.920.418	14.381.189.079	17.538.407.983	57.792.670	486.716.657	(17.437.307.100)	266.015.078.104
Chi phí bán hàng	230.656.414.742	13.180.709.929	11.509.060.559	16.517.802.285	9.484.295.150	7.758.996.529	6.249.424.108	(12.881.586.547)	279.169.826.333
Chi phí quản lý doanh nghiệp	225.351.934.139	18.850.665.472	40.614.145.473	36.679.632.968	31.656.170.436	2.011.993.805	4.739.177.766	(67.756.306.576)	2.228.434.538.339
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.148.639.059.129	3.201.842.239	69.531.504	33.410.433	27.882.800	258.543.809	39.302.617	(1.730.636.614)	1.898.865.992
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-	-	-	(5.954.875.672)	(5.954.875.672)
Lãi trong công ty liên kết	2.151.840.901.368	28.850.665.472	40.683.666.881	36.713.043.481	31.884.082.436	2.270.537.614	4.777.480.383	(75.441.818.806)	2.221.278.528.849
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	218.555.364.279	7.212.666.368	10.170.916.745	9.178.260.850	7.921.013.109	567.614.403	602.079.162	(1.557.071.222)	254.207.914.916
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	1.933.215.537.089	21.837.999.104	30.512.750.226	31.534.781.551	23.763.839.337	1.702.403.111	4.175.401.221	(73.884.747.584)	1.968.727.665.155

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước VND	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu VND	Tổng cộng VND
Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012			
Doanh thu thuần	6.437.794.986.065	651.227.216.648	7.089.022.202.713
Giá vốn hàng bán	3.986.327.933.455	638.621.514.914	4.624.949.448.369
Trong đó: Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.930.985.436	(10.222.859.948)	(6.291.874.512)
Lợi nhuận gộp	2.451.467.052.610	12.605.701.734	2.464.072.754.344
Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011			
Doanh thu thuần	3.156.863.298.415	1.379.628.942.847	4.536.492.241.262
Giá vốn hàng bán	1.425.135.575.336	1.320.375.698.843	2.745.511.274.179
Trong đó: Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	3.425.871.433	3.425.871.433
Lợi nhuận gộp	1.731.727.723.079	59.253.244.004	1.790.980.967.083

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	4.737.511.688.424	3.090.864.463.597
Doanh thu Ure Cà Mau	1.538.145.920.710	-
Doanh thu Amoniac	-	16.549.661.962
Doanh thu điện	2.062.412.560	5.786.232.684
Doanh thu khác	240.615.765.565	74.776.122.310
	6.518.335.787.259	3.187.976.480.553
Chiết khấu thương mại	80.540.801.194	31.113.182.138
	6.437.794.986.065	3.156.863.298.415

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.595.985.660.882	983.864.827.116
Chi phí nhân công	230.375.540.372	108.629.783.217
Chi phí khấu hao tài sản cố định	106.902.563.716	66.879.271.507
Chi phí mua ngoài khác	216.041.717.264	87.869.040.582
Chi phí bằng tiền khác	283.463.906.212	213.362.066.649
	2.432.769.388.446	1.460.604.989.071

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Lãi tiền gửi	307.220.130.043	249.151.200.378
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	3.744.037.200
Khác	1.000.371.600	2.336.901.217
	308.220.501.643	255.232.138.795

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	484.818.462	15.652.054.184
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.129.303.694	21.915.475.277
Khác	59.690.865	5.960.027.825
	1.673.813.021	43.527.557.286

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	254.725.906.448	190.171.980.755
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước bổ sung	(517.971.532)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	254.207.934.916	190.171.980.755

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ: Công ty mẹ - Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty mẹ - Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo (năm 2008). Năm 2012 là năm thứ 5 Công ty mẹ - Tổng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ 9 kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động).

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.939.549.250.085	1.444.938.058.746
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản (cổ phiếu)	377.556.459	377.647.740
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	5.137	3.826

28. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuế hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	9.937.819.017	11.652.728.108
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	31.489.106.783	33.610.888.221
Sau năm năm	28.388.829.557	31.795.489.104
	69.815.755.357	77.059.105.432

Từ ngày 03 tháng 9 năm 2005, Tổng Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004 với tiền thuê và phí sử dụng hạ tầng phải trả hàng năm là 378.392 USD/năm.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đình Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Ngày 01 tháng 11 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng thuê văn phòng ở Campuchia với thời hạn 3 năm và tiền thuê hàng tháng là 1.500 USD/tháng.

Ngày 10 tháng 6 năm 2011, Công ty con - Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Miền Bắc đã ký Hợp đồng số 1521/2011/HĐ-VĐKVN/PVFCCo North về việc thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011. Tổng diện tích thuê là 623 m² với số tiền thuê là 11.001 USD/tháng.

29. CAM KẾT KHÁC

- Theo Hợp đồng mua bán khí số 82/2010/PVGas-KTTT/TM-PVFCCo/B1 ngày 07 tháng 5 năm 2010 và các Phụ lục bổ sung ký kết giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, giá mua khí trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 6,43 USD/MMBTU (từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011: 4,59 USD/MMBTU).
- Theo Hợp đồng khung tiêu thụ sản phẩm số 1486/PVN-PVFCCO ngày 23 tháng 02 năm 2011, Hợp đồng số 72/PVCFC-PVFCCO tháng 02 năm 2012 và các Phụ lục bổ sung ký kết với Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau, Tổng Công ty cam kết và có trách nhiệm nhận và tiêu thụ toàn bộ sản phẩm ure hạt đục do Nhà máy Đạm Cà Mau sản xuất theo kế hoạch hàng năm với đơn giá mua và khối lượng được xác định tại từng thời điểm giao nhận sản phẩm, thời hạn hiệu lực của hợp đồng khung là 2 năm. Trong kỳ, Công ty đã nhập mua với tổng khối lượng khoảng 162.000 tấn ure từ Nhà máy Đạm Cà Mau với tổng giá trị cho tất cả các giao dịch theo các hợp đồng đã ký (khoảng 1.600 tỷ đồng).

30. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 27 tháng 4 năm 2012, tại phiên họp thường niên năm 2012, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty đã chấp thuận và thông qua chủ trương cho Tổng Công ty đầu tư vào Dự án Nhà máy Đạm Cà Mau theo phương án: Tổng Công ty mua 51% giá trị dự án Nhà máy Đạm Cà Mau hiện tại do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) là chủ đầu tư. PVN và Tổng Công ty sẽ tổ chức thực hiện việc quản lý, vận hành, kinh doanh sản phẩm của Nhà máy Đạm Cà Mau theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) không thành lập pháp nhân mới, trong đó PVN ủy quyền cho Tổng Công ty trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động hợp danh. Giá trị dự án được xác định theo kết quả đàm phán và thỏa thuận với PVN căn cứ vào kết quả thẩm định giá của đơn vị thẩm định độc lập, đồng thời không vượt quá 779 triệu USD, trong trường hợp giá trị dự án thấp hơn 779 triệu USD Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng Công ty quyết định đầu tư và triển khai thực hiện, trong trường hợp giá trị dự án cao hơn 779 triệu USD Tổng Công ty sẽ trình Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt theo quy định.

Đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang làm việc với PVN và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để triển khai các bước công việc theo quy định của pháp luật.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các công ty con.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.891.279.372.686	4.070.456.552.343
Phải thu khách hàng và phải thu khác	201.836.084.889	232.795.849.099
Đầu tư ngắn hạn	242.106.465.800	202.000.000.000
Đầu tư dài hạn	43.591.357.921	43.591.357.921
Tài sản tài chính khác	2.511.006.003	266.713.819
Tổng cộng	6.381.324.287.299	4.549.110.473.182
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	35.510.375.892	9.205.641.372
Phải trả người bán và phải trả khác	866.168.354.534	346.746.305.819
Chi phí phải trả	227.425.479.102	199.235.356.613
Công nợ tài chính khác	6.419.251.489	4.653.070.992
Tổng cộng	1.135.523.461.017	559.840.374.796

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ kế toán như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2012	31/12/2011	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	5.306.063.720	4.260.029.420	249.626.849.186	147.465.726.357
Euro (EUR)	-	150.052.595	37.832.088	39.588.091

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đình Chi, phường Đa Kao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro về giá*

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
30/6/2012			
Các khoản vay	24.003.910.092	11.506.465.800	35.510.375.892
Phải trả người bán và phải trả khác	866.168.354.534	-	866.168.354.534
Chi phí phải trả	227.425.479.102	-	227.425.479.102
Công nợ tài chính khác	-	6.419.251.489	6.419.251.489
Tổng cộng	1.117.597.743.728	17.925.717.289	1.135.523.461.017
31/12/2011			
Các khoản vay	9.205.641.372	-	9.205.641.372
Phải trả người bán và phải trả khác	346.746.305.819	-	346.746.305.819
Chi phí phải trả	199.235.356.613	-	199.235.356.613
Công nợ tài chính khác	-	4.653.070.992	4.653.070.992
Tổng cộng	555.187.303.804	4.653.070.992	559.840.374.796

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. **CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
30/6/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.891.279.372.686	-	5.891.279.372.686
Phải thu khách hàng và phải thu khác	201.836.084.889	-	201.836.084.889
Đầu tư ngắn hạn	242.106.465.800	-	242.106.465.800
Đầu tư dài hạn	-	43.591.357.921	43.591.357.921
Tài sản tài chính khác	2.271.835.399	239.170.604	2.511.006.003
Tổng cộng	<u>6.337.493.758.774</u>	<u>43.830.528.525</u>	<u>6.381.324.287.299</u>
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.070.456.552.343	-	4.070.456.552.343
Phải thu khách hàng và phải thu khác	232.795.849.099	-	232.795.849.099
Đầu tư ngắn hạn	202.000.000.000	-	202.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	43.591.357.921	43.591.357.921
Tài sản tài chính khác	103.419.619	163.294.200	266.713.819
Tổng cộng	<u>4.505.355.821.061</u>	<u>43.754.652.121</u>	<u>4.549.110.473.182</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đình Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ cho các đơn vị trong Tập đoàn dầu khí Việt Nam	183.375.470.289	132.492.020.045
Mua hàng		
Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	14.709.210.077	16.034.233.815
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí (PVMTC)	38.181.818	-
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	12.974.616.795	-
Ban Quản lý dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau (CPMB)	1.732.801.044.575	-
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (PVU)	45.454.545	-
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (EIC)	3.284.933.132	-
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính công đoàn dầu khí (PVFI)	19.601.818	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.489.589.838.519	876.307.095.907
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	1.147.881.309	364.652.531.186
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí (PVFC)	174.455.382	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	115.226.579.044	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVE)	7.685.029.091	-
Công ty Cổ phần PVI	9.096.871.492	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	10.829.640.860	-
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	3.750.984.375	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	6.704.009.164	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	752.748.616	-
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	5.310.126.988	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (PVSecurity)	3.283.880.028	-
Cổ tức		
Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	583.010.632.500	233.204.253.000
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	8.180.522.915	9.199.311.647

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ ĐU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Uỷ thác vốn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	617.006.465.800	595.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính công đoàn dầu khí (PVFI)	177.000.000.000	177.000.000.000
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	296.594.131	4.063.001.708
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	1.169.110.330	2.067.309.311
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	107.845.949	19.567.253
Công ty Cổ phần PVI	133.603.200	191.043.600
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	67.000.000	18.600.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	73.844.988	809.382.154
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	906.510.000	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	4.654.282.165	2.551.100.926
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (PVSecurity)	7.389.629	7.389.629
Trả trước cho nhà cung cấp		
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	665.395.482	247.302.000
Ban Quản lý dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau (CPMB)	72.840.679.357	-
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (EIC)	5.100.945.870	637.516.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí (PVFC)	253.329.439	13.672.245.035
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	22.110.578.695	34.390.484.000
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVE)	101.198.630	-
Công ty Cổ phần PVI	19.944.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	24.335.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	-	724.350.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	200.500.000	500.000
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	5.051.359.736	-

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đình Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau (Tiếp theo):

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu khác		
Ban Quản lý dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	3.230.308.420	838.031.006
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí (PVFC)	15.773.333.332	19.121.666.667
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	108.279.800	108.279.800
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	55.899.915.660	80.291.889.427
Công ty Cổ phần PVI	17.879.716	17.879.716
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	115.002.384	-
Phải trả nhà cung cấp		
Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	185.612.411	-
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	247.411.000	-
Ban Quản lý dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau (CPMB)	389.781.277.115	-
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính công đoàn dầu khí (PVFI)	11.000.000.000	11.000.000.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	264.687.067.499	198.930.287.998
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	18.285.400.000	18.285.400.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí (PVFC)	7.500.000	7.500.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	20.344.495.984	22.076.179.801
Công ty Cổ phần PVI	41.175.052	78.699.694
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	3.260.023.783	5.625.637.531
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	1.760.950.000	103.232.250
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	2.585.585.575	2.614.790.240
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	90.924.078	87.993.297
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	276.632.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (PVSecurity)	100.000.000	886.697.101
Khách hàng ứng trước		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	1.132.056.200	92.056.200
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	508.518.000	508.518.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	256.000.000	9.750.000
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	1.280.820.657	7.933.291.448
Phải trả khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	119.066.667	119.066.667
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí (PVFC)	-	276.961.769
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	10.095.238	-
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	127.725.715	127.725.715
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	8.112.540.000	8.112.540.000

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét.



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2012

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng